

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2022

**THÔNG BÁO
VỀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO, HỒ SƠ DỰ TUYỂN VÀ
PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH CAO HỌC ĐỢT 1 NĂM 2022**

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ (ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDDT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), nhằm cụ thể hóa Thông báo số 195/TB-DHLHN ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Trường Đại học Luật Hà Nội về tuyển sinh cao học năm 2022, Trường Đại học Luật Hà Nội thông báo cụ thể về chỉ tiêu tuyển sinh, hình thức đào tạo, hồ sơ dự tuyển và phương thức tuyển sinh cao học đợt 1 năm 2022 như sau:

I. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

Số TT	Tên chương trình đào tạo	Hình thức đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Ghi chú
1	Luật hiến pháp và luật hành chính theo định hướng nghiên cứu/ứng dụng (mã số: 8380102)	Chính quy	58	
2	Luật dân sự và tố tụng dân sự theo định hướng nghiên cứu/ứng dụng (mã số: 8380103)	Chính quy	95	
3	Luật hình sự và tố tụng hình sự theo định hướng nghiên cứu/ứng dụng (mã số: 8380104)	Chính quy	73	
4	Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm theo định hướng nghiên cứu/ứng dụng (mã số: 8380105)	Chính quy	12	
5	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật theo định hướng nghiên cứu (mã số: 8380106)	Chính quy	31	
6	Luật kinh tế theo định hướng nghiên cứu/ứng dụng (mã số: 8380107) tại Trường	Chính quy	101	
7	Luật kinh tế theo định hướng ứng dụng (mã số: 8380107) tại Phân hiệu ĐăkLăk	Chính quy	25	
8	Luật quốc tế định hướng nghiên cứu/ứng dụng (mã số: 8380108)	Chính quy	66	
Tổng cộng			461	

II. HỒ SƠ DỰ TUYỂN

Thí sinh nộp đầy đủ Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

1) Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu đăng trên Cổng thông tin điện tử của Trường tại Mục Thông tin tuyển sinh);

2) Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp đại học hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời hoặc tương đương; bản sao có chứng thực bằng điểm đại học. Đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được công nhận văn bằng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

3) Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ chứng minh năng lực ngoại ngữ theo quy định tại điểm b khoản 1 Mục I Thông báo này;

4) Sơ yếu lý lịch (theo mẫu đăng trên Cổng thông tin điện tử của Trường tại Mục Thông tin tuyển sinh) có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự nơi thí sinh đang làm việc hoặc của chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú;

5) Tài liệu minh chứng về thâm niên, kinh nghiệm công tác liên quan đến lĩnh vực pháp luật kể từ khi tốt nghiệp đại học luật (theo mẫu đăng trên Cổng thông tin điện tử của Trường tại Mục Thông tin tuyển sinh);

6) Tài liệu minh chứng về các sản phẩm/hoạt động khoa học đã công bố/tham gia liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

7) Giấy chứng nhận của cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên về việc thí sinh có đủ sức khỏe để học tập, nghiên cứu;

8) Bản sao có chứng thực các giấy tờ xác nhận về đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh của cơ quan có thẩm quyền;

9) 02 ảnh cỡ 4cm x 6cm; sau ảnh ghi họ tên, ngày sinh, ngành đào tạo đăng ký dự tuyển của thí sinh;

10) 03 phong bì ghi rõ tên, địa chỉ, số điện thoại của người dự tuyển.

Lưu ý: Bản cứng Hồ sơ dự tuyển phát hành tại Phòng Đào tạo sau đại học, Trường Đại học Luật Hà Nội

III. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Xét tuyển kết hợp với thi tuyển môn ngoại ngữ (tiếng Anh) đầu vào đối với các thí sinh không có văn bằng, chứng chỉ chứng minh năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. Cụ thể như sau:

1) Trường tổ chức thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh) ở trình độ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến* để đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào đối với các thí sinh không có văn bằng, chứng chỉ chứng minh năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

2) Sau khi có kết quả thi đầu vào môn ngoại ngữ (tiếng Anh), Trường tổ chức đánh giá xếp loại năng lực thí sinh.

3) Các thí sinh chỉ được tham gia đánh giá xếp loại năng lực nếu đạt trình độ ngoại ngữ từ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trở lên. Cụ thể thuộc một trong các trường hợp sau:

- Kết quả điểm thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh) đầu vào do Trường tổ chức đạt từ 50 điểm trở lên (tính theo thang điểm 100).

- Có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành sư phạm tiếng nước ngoài/ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Luật Hà Nội cấp trong thời gian không quá 02 năm tính đến ngày thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển hợp lệ theo Thông báo tuyển sinh mà chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ (ban hành theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT) hoặc các chứng chỉ

tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển hợp lệ theo Thông báo tuyển sinh.

4) Việc đánh giá xếp loại năng lực của thí sinh làm căn cứ xác định trúng tuyển được thực hiện theo thang điểm 100 và dựa trên các tiêu chí sau:

a) Kết quả học tập ở bậc đại học được thể hiện thông qua điểm trung bình chung học tập toàn khóa học, tối đa 50 điểm, theo các thang điểm cụ thể như sau:

Số thứ tự	Điểm TBC học tập toàn khóa học bậc ĐH	Điểm đánh giá
1.	Xuất sắc (từ 3,6 đến 4,0 theo thang điểm 4 hoặc tương đương)	50,0 điểm
2.	Giỏi (từ 3,2 đến 3,59 theo thang điểm 4 hoặc tương đương)	45,0 điểm
3.	Khá (từ 2,5 đến 3,19 theo thang điểm 4 hoặc tương đương)	40,0 điểm
4.	Trung bình (từ 2,0 đến 2,49 theo thang điểm 4 hoặc tương đương). <i>Riêng đối với thí sinh dự tuyển vào CTĐT theo định hướng nghiên cứu, phải kèm theo điều kiện có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sê học tập, nghiên cứu theo quy định của Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>	35,0 điểm

b) Thâm niên, kinh nghiệm công tác liên quan đến lĩnh vực pháp luật kể từ khi tốt nghiệp đại học luật (tính cộng dồn thời gian thực tế làm việc), tối đa 20,0 điểm (đối với định hướng nghiên cứu) và tối đa 30,0 điểm (đối với định hướng ứng dụng) theo thang điểm cụ thể như sau:

- Đối với định hướng nghiên cứu

Tổng hợp	Thâm niên, kinh nghiệm công tác	Điểm đánh giá
1.	Từ 10 năm trở lên	20,0 điểm
2.	Từ 07 năm đến dưới 10 năm	15,0 điểm
3.	Từ 05 năm đến dưới 07 năm	10,0 điểm
4.	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	7,0 điểm
5	Từ 01 năm đến dưới 03 năm	5,0 điểm

- Đối với định hướng ứng dụng

Số thứ tự	Thâm niên, kinh nghiệm công tác	Điểm đánh giá
1.	Từ 10 năm trở lên	30,0 điểm
2.	Từ 07 năm đến dưới 10 năm	25,0 điểm
3.	Từ 05 năm đến dưới 07 năm	20,0 điểm
4.	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	15,0 điểm
5	Từ 01 năm đến dưới 03 năm	10,0 điểm

c) Kết quả đánh giá sản phẩm/hoạt động khoa học đã công bố/tham gia liên quan đến lĩnh vực sê học tập, nghiên cứu, tối đa 20,0 điểm (đối với định hướng nghiên cứu) và tối đa 10,0 điểm (đối với định hướng ứng dụng) theo thang điểm cụ thể như sau:

Tổng hợp	Sản phẩm/hoạt động khoa học đã công bố/tham gia	Điểm đánh giá
1.	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên đề trong đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước; - Sản phẩm nghiên cứu khoa học đạt giải thưởng cấp quốc gia; - Bài báo, báo cáo đăng trong án phẩm thuộc danh mục Web of 	10 điểm/sản phẩm (hoạt động) khoa học

	<p>Science hoặc SCOPUS;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương sách tham khảo của nhà xuất bản quốc tế có uy tín; - Sách chuyên khảo của nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế; - Bài viết đăng trên tạp chí chuyên ngành luật được tính từ 0,75 điểm; trở lên theo quy định của Hội đồng giáo sư Nhà nước; - Tham gia đề án cấp Nhà nước, ban soạn thảo, tổ biên tập các văn bản Luật, Nghị định hoặc tương đương; - Đạt giải thưởng trong các cuộc thi quốc tế về tranh tụng, hùng biện, phiên toà giả định hoặc các cuộc thi khác liên quan đến lĩnh vực pháp luật; - Các sản phẩm/hoạt động khoa học khác tương đương. 	
2.	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên đề trong đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ; - Sản phẩm nghiên cứu khoa học đạt giải thưởng cấp bộ; - Sách tham khảo, tài liệu phục vụ hoạt động đào tạo của nhà xuất bản trong nước và quốc tế; - Bài viết đăng trên tạp chí chuyên ngành luật được tính 0,5 điểm theo quy định của Hội đồng giáo sư Nhà nước; - Báo cáo khoa học tại hội nghị/hội thảo quốc gia và quốc tế có phản biện; - Thành viên tham gia đề án cấp Bộ, ban soạn thảo, tổ biên tập các thông tư hoặc văn bản quy phạm pháp luật tương đương cấp Bộ; tham gia soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật của UBND cấp tỉnh; - Đạt giải thưởng trong các cuộc thi cấp quốc gia, bộ, ngành về tranh tụng, hùng biện, phiên toà giả định hoặc các cuộc thi khác liên quan đến lĩnh vực pháp luật; - Các sản phẩm/hoạt động khoa học khác tương đương. 	8,0 điểm/sản phẩm (hoạt động) khoa học
3.	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên đề trong đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở; - Sản phẩm nghiên cứu khoa học đạt giải thưởng cấp cơ sở; - Báo cáo khoa học tại hội nghị/hội thảo cấp bộ, cấp cơ sở; - Bài viết đăng trên tạp chí chuyên ngành luật được tính 0,25 điểm theo quy định của Hội đồng giáo sư Nhà nước; - Đạt giải thưởng trong các cuộc thi cấp cơ sở về tranh tụng, hùng biện, phiên toà giả định hoặc các cuộc thi khác liên quan đến lĩnh vực pháp luật; - Các sản phẩm/hoạt động khoa học khác tương đương. 	5,0 điểm/sản phẩm (hoạt động) khoa học

d) Trình độ ngoại ngữ từ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam, tối đa 10,0 điểm theo thang điểm cụ thể như sau:

Số thứ tự	Trình độ ngoại ngữ	Điểm đánh giá
1.	Tương đương bậc 6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc; hoặc tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ở nước ngoài.	10,0 điểm
2.	Tương đương bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam; hoặc tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành sư phạm tiếng nước ngoài/ ngôn ngữ nước ngoài; hoặc tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.	8,0 điểm

3.	Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương.	5,0 điểm
----	---	----------

5) Người trúng tuyển là người có điểm đánh giá xếp loại năng lực đạt từ 40,0 điểm trở lên và xét từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu của mỗi ngành đào tạo.

Trường hợp nhiều thí sinh có điểm đánh giá xếp loại năng lực bằng nhau thì ưu tiên thí sinh theo thứ tự sau đây: a) Thí sinh tốt nghiệp chương trình đào tạo chất lượng cao các ngành luật của các cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép; b) Thí sinh thuộc đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh; c) Thí sinh được đào tạo bậc đại học trở lên ở nước ngoài theo phương thức đào tạo toàn thời gian mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo hoàn toàn bằng tiếng Anh hoặc thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

6) Xét tuyển thẳng: Thí sinh được xét tuyển thẳng vào học thạc sĩ nếu có kết quả xếp hạng tốt nghiệp đại học loại xuất sắc và có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tối thiểu tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, bao gồm cả trường hợp thí sinh đã tốt nghiệp đại học trở lên ở nước ngoài theo phương thức đào tạo toàn thời gian mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo hoàn toàn bằng tiếng nước ngoài.

VI. MỨC THU PHÍ DỊCH VỤ TUYỂN SINH

- 1) Phí xét duyệt hồ sơ đăng ký dự tuyển: 200.000 đồng/hồ sơ
- 2) Phí thi tuyển sinh đầu vào môn Ngoại ngữ: 200.000 đồng/thí sinh.
- 3) Phí đánh giá xếp loại năng lực của thí sinh: 200.000 đồng/thí sinh

Nếu thí sinh cần biết thêm chi tiết, đề nghị liên hệ theo địa chỉ: Phòng Đào tạo sau đại học, Trường Đại học Luật Hà Nội, số 87 Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, điện thoại: (024) 38352354; (024) 37738327; (024) 37730302.

Nơi nhận:

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có nhu cầu đào tạo;
- Cổng thông tin điện tử của Trường và Bộ Tư pháp (*để đăng tải*);
- Bộ GD & ĐT, Bộ Tư pháp (*để báo cáo*);
- Đảng ủy, Hội đồng Trường (*để báo cáo*);
- Các Phó hiệu trưởng (*để biết*);
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

